

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 26 - 5 - 2023
V/v Tranh chấp Hôn nhân
và Gia đình về ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Đẹp
2. Bà Ngô Thị Mỹ Lợi

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Kim Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Ông Lê Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2023 và ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 361/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình về ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1980
Địa chỉ: Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Lưu Quảng P, sinh năm 1976
Địa chỉ: Khóm C, Phường D, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Chị T có mặt tại phiên tòa. Anh P vắng mặt không lý do.

NHẬN THẤY:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc T và anh Lưu Quảng P sau thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm thì tổ chức đám cưới vào năm 2004, đăng ký kết hôn vào ngày

29/7/2004 tại UBND Phường D, thành phố S. Thời gian đầu sống chung bên gia đình chồng, đến năm 2007 về bên gia đình cha mẹ của chị T sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến 2008 (khi chị T chuẩn bị sinh con thứ 2) phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh P thường xuyên ăn nhậu, tham gia cờ bạc, không quan tâm gì đến vợ con, không phụ tiếp chị T tài chính để lo cho gia đình, chị T khuyên nhiều lần nhưng không thay đổi nhưng vì mong muốn cho các con có một gia đình đầy đủ nên chị cố gắng chịu đựng chung sống với anh P. Đến tháng 02/2020, anh P bỏ về bên gia đình anh P sống và vợ chồng ly thân đến nay, anh P cũng không gọi điện, không tới lui thăm các con.

Nay chị T nhận thấy không còn tình cảm với anh P, vợ chồng đã sống ly thân trong thời gian dài, không thể hàn gắn trở lại chung sống được nên yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con tên Lưu Tuấn K, sinh ngày 25/8/2004 và Lưu Tuấn K1, sinh ngày 07/6/2008 (hiện đang sống với chị T). Khi ly hôn chị T yêu cầu nuôi con chung Tuấn K1, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Đối với Tuấn K đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Về phí bị đơn Lưu Quảng P đã nhận được thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa do Tòa án tổng đạt đúng theo luật định, nhưng anh P vắng mặt, không đến phiên tòa, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại đơn trình bày nguyện vọng của con, cháu Lưu Tuấn K1 trình bày khi cha mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ

*** Ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng phía bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh P đã trầm trọng, bản thân anh P cũng không có mong muốn hàn gắn, hòa giải nên không đến tham dự phiên tòa. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T; Về con chung: giao cho chị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Lưu Tuấn K1, sinh ngày 07/6/2008. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét; Về chia tài sản chung, nợ chung: Do đương sự trình bày không có nên không xem xét.

- Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ‘Tranh chấp Hôn nhân gia đình về ly hôn’. Bị đơn anh Lưu Quảng P cư trú tại thành phố Sa Đéc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn anh Lưu Quảng P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điểm b, Khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Xét thấy chị Trần Thị Ngọc T và anh Lưu Quảng P chung sống từ năm 2004, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 29/7/2004 tại UBND Phường D, thành phố S nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau kết hôn, chị T và anh P chung sống hạnh phúc đến năm 2008 phát sinh mâu thuẫn. Theo chị T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh P thường xuyên ăn nhậu, tham gia cờ bạc, không quan tâm đến vợ con, không phụ tiếp chị T tài chính để lo cho gia đình, chị T khuyên nhiều lần nhưng không thay đổi. Vì các con còn nhỏ, nên chị cố gắng chịu đựng để cho các con có đầy đủ tình yêu thương của cha mẹ Tuy nhiên, từ tháng 02/2020 đến nay anh P đã bỏ về bên gia đình anh P sống và không tới lui thăm với vợ, con.

Về phía anh P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, đã biết việc chị T yêu cầu ly hôn nhưng không có văn bản trình bày ý kiến, Bản thân anh P cũng không có mong muốn hàn gắn tình cảm với chị T nên đã không đến Tòa án để tham gia hòa giải, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình.

Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị T và anh P đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm, vợ chồng cũng đã sống ly thân từ tháng 02/2020 đến nay. Do đó, xét thấy việc chị T yêu cầu ly hôn anh P là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Chị T và anh P chung sống có hai con chung tên 02 con tên Lưu Tuấn K, sinh ngày 25/8/2004 và Lưu Tuấn K1, sinh ngày 07/6/2008 (hiện đang sống với chị T). Khi ly hôn, chị T yêu cầu nuôi con chung tên Lưu Tuấn K1. Nguyên vọng của cháu Khang cũng mong muốn được tiếp tục chung sống với chị T. Về phía anh P quá trình giải quyết vụ án cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con sau ly hôn của chị T. Do đó, việc chị T yêu cầu được

quyền trực tiếp nuôi con sau ly hôn là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nguyện vọng của cháu K1. Anh P có quyền nghĩa vụ đến thăm con, không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với con chung Lưu Tuấn K, sinh ngày 25/8/2004, đã thành niên. Do đó, chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị T nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227 Bộ Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Các Điều: 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Ngọc T. Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Ngọc T và anh Lưu Quảng P.

2. Về nuôi con chung:

- Chị Trần Thị Ngọc T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lưu Tuấn K1, sinh ngày 07/6/2008 (hiện đang sống với chị T).

- Chị Trần Thị Ngọc T không yêu cầu anh Lưu Quảng P cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

- Anh Lưu Quảng P có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

Đối với con chung Lưu Tuấn K, sinh ngày 25/8/2004, đã thành niên. Do đó, chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Đương sự trình bày không có nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc T nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị T đã nộp ngày 16/11/2022 theo biên lai thu số 0001150 tại Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ vào án phí phải nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn Lưu Quảng P vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án ND Tỉnh ĐT;
- VKS ND TPSTĐ;
- THA Dân sự TPSTĐ;
- UBND Phường D, TPSTĐ, tỉnh Đồng Tháp
- Các đương sự;
- Lưu h/s.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thị Thủy